

HẠNH PHÚC CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG Ở HÀ NỘI

Trần Quý Long

Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới

Tóm tắt: Nghiên cứu viết tập trung phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến hạnh phúc đối với 255 học sinh tại hai trường trung học phổ thông ở khu vực thành thị và nông thôn Hà Nội. Những yếu tố được đề cập đến bao gồm đặc trưng cá nhân và gia đình của học sinh. Học sinh nữ, có mức độ trầm cảm, lo lắng về sự tự tin cao hơn, cư trú ở khu vực nông thôn có mức độ hạnh phúc thấp hơn học sinh khác. Các yếu tố tình trạng sức khỏe, hài lòng về điều kiện sống, kết quả học tập và mối quan hệ bố mẹ - con có ảnh hưởng tích cực đến mức độ hạnh phúc của học sinh.

Từ khóa: Hạnh phúc, hài lòng với cuộc sống, học sinh trung học phổ thông.

THE HAPPINESS OF HIGH SCHOOL STUDENTS IN HANOI

Tran Quy Long

Institute for Human, Family and Gender Studies

Abstract: The study focused on analyzing the factors affecting happiness of 255 students at two high schools in urban and rural areas of Hanoi. The factors included in the analysis included the students' personal and family characteristics. Female students, with higher levels of depression, anxiety about self-confidence, and residing in rural areas, had lower levels of happiness than other students. Factors such as health status, satisfaction with living conditions, academic performance, and parent-child relationships had positive effects on students' happiness levels.

Keywords: Happiness, satisfaction with life, high school students.

Nhận bài: 21/08/2025

Phản biện: 17/09/2025

Duyệt đăng: 22/09/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hạnh phúc là một khái niệm đa cấu trúc được trình bày theo những góc độ khác nhau, thường được định nghĩa là trạng thái cảm xúc tích cực và sự hài lòng chung với cuộc sống. Không chỉ đơn thuần là kết quả của hoàn cảnh sống, hạnh phúc còn bị ảnh hưởng bởi nhận thức, thái độ và hành vi cá nhân, chẳng hạn như lòng biết ơn, sự lạc quan và khả năng thiết lập mục tiêu tích cực. Có thể thấy, hạnh phúc không chỉ là một trạng thái thoáng qua mà là một quá trình trải nghiệm cuộc sống tích cực, có mục tiêu và mang tính chủ quan sâu sắc, phản ánh mối liên hệ giữa cá nhân và môi trường sống của họ. Người có cảm nhận hạnh phúc là người có trạng thái tâm lý tốt, lạc quan, yêu đời (Trương Thị Khánh Hà, 2015). Trong nghiên cứu này, cảm nhận hạnh phúc được xác định là trạng thái tinh thần khỏe mạnh, được thể hiện qua tình trạng cảm xúc tích cực, cách nhìn nhận, đánh giá tích cực về các đặc điểm tâm lý và sự phát triển của bản thân.

Trong bối cảnh quốc gia, xã hội và gia đình ngày càng chú trọng đến sự phát triển con người toàn diện, vấn đề hạnh phúc của học sinh trung học phổ thông đang trở thành một chủ đề cấp thiết và đáng quan tâm sâu sắc. Ở lứa tuổi vị thành niên, giai đoạn bản lề giữa tuổi thơ và tuổi trưởng thành, học sinh trung học phổ thông không chỉ đối mặt với áp lực học tập căng thẳng, mà còn phải

vượt qua những biến đổi tâm lý, thể chất, cũng như các mối quan hệ xã hội phức tạp. Trong khi đó, nhiều biểu hiện bất ổn như căng thẳng, lo âu, trầm cảm, giảm động lực học tập, và thậm chí là hành vi tiêu cực đang ngày càng gia tăng trong môi trường học đường, phản ánh rõ sự thiếu hụt về cảm xúc tích cực và chất lượng sống ở một bộ phận học sinh. Việc nghiên cứu mức độ hạnh phúc của học sinh trung học phổ thông không chỉ giúp nhận diện thực trạng sức khỏe tâm thần, cảm xúc và đời sống tinh thần của các em mà còn góp phần định hướng các giải pháp phát triển con người toàn diện, nuôi dưỡng sự phát triển lành mạnh về thể chất, tâm hồn và trí tuệ. Đây không chỉ là vấn đề riêng của gia đình mà còn là mối quan tâm chung của toàn xã hội trong tiến trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đảm bảo sự phát triển bền vững cho thế hệ trẻ.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Tổng quan nghiên cứu

Giới tính là một biến nhân khẩu học – xã hội có vai trò quan trọng trong nghiên cứu về hạnh phúc chủ quan của học sinh. Nhiều công trình quốc tế cho thấy học sinh nam thường có mức độ hạnh phúc cao hơn học sinh nữ. Báo cáo của The Children's Society (2016) và khảo sát của OECD (2017) khẳng định, ở hầu hết các quốc gia thành viên OECD, bé gái có mức độ hài lòng với cuộc

sống thấp hơn bé trai, với chênh lệch trung bình gần 10 điểm phần trăm. Nghiên cứu tại Pakistan của Khan và cộng sự (2015) cũng chỉ ra học sinh nam có chỉ số hạnh phúc cao hơn nữ, tương tự kết quả ở 11 quốc gia được phân tích bởi Lee và Yoo (2015). Ở Việt Nam, các kết quả nghiên cứu (Đào Lan Hương, 2020; Trọng Đàm V.A. và cộng sự, 2023; Trần Quý Long, 2024a) đều cho thấy học sinh nam hạnh phúc hơn học sinh nữ, đồng thời nhóm nữ gặp nhiều vấn đề sức khỏe tinh thần hơn.

Bên cạnh giới tính, mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái được xem là yếu tố cốt lõi ảnh hưởng đến cảm nhận hạnh phúc của học sinh. Việc được cha mẹ lắng nghe, tôn trọng và khích lệ góp phần củng cố sự bình an nội tâm và nâng đỡ tinh thần (Phan Thị Mai Hương & Nguyễn Hữu Minh, 2017). Khi cha mẹ dành thời gian quan tâm, chia sẻ, học sinh có mức độ hài lòng với cuộc sống cao hơn (Trương Thị Khánh Hà và cộng sự, 2017). Trái lại, cảm giác cô đơn, bị cô lập hoặc xung đột với cha mẹ làm giảm đáng kể mức độ hạnh phúc của học sinh (Trọng Đàm V.A. và cộng sự, 2023; Trần Quý Long, 2024a). Áp lực kinh tế và công việc của cha mẹ, khiến họ ít thời gian tương tác với con, cũng là nguyên nhân làm giảm sự hài lòng trong cuộc sống của học sinh trung học.

Điều kiện kinh tế gia đình là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến hạnh phúc học đường. Các nghiên cứu trong và ngoài nước đều cho thấy mối quan hệ đồng biến giữa mức sống và hạnh phúc của học sinh. Dữ liệu khảo sát *Young Lives* (Ngọc P. Nguyen, 2011) cho thấy học sinh trong gia đình nghèo có mức độ hạnh phúc thấp hơn. Những học sinh sống trong gia đình khá giả thường hài lòng với cuộc sống hơn (Đào Lan Hương, 2020; Ngô Thị Hoàng Giang, 2020a; Đào Lan Hương, 2022). Kết quả phân tích của *UNICEF Việt Nam* (2021) cho thấy, thanh thiếu niên 15–17 tuổi ở gia đình có mức sống cao có tỷ lệ hạnh phúc lớn hơn. Đặc biệt, nghiên cứu của Gross-Manos và Bradshaw (2022) cho thấy tại Việt Nam, mối tương quan giữa mức độ sung túc và hạnh phúc chủ quan của trẻ em cao hơn đáng kể so với trung bình toàn cầu.

Ngoài ra, nơi cư trú của học sinh cũng ảnh hưởng đến mức độ hạnh phúc. Các nghiên cứu (Ngô Thị Hoàng Giang, 2020b; Đào Lan Hương, 2020; Trần Quý Long, 2024a) đều chỉ ra rằng học sinh ở khu vực thành thị có mức độ hài lòng và hạnh phúc cao hơn so với học sinh ở nông thôn. Phân tích của *Tổng cục Thống kê và UNICEF* (2021) cũng xác nhận học sinh vị thành niên cư trú ở thành phố có tỷ lệ hạnh phúc cao hơn đáng kể so với học sinh ở nông thôn.

Như vậy, hạnh phúc chủ quan của học sinh chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố tương tác – trong đó nổi bật là giới tính, mối quan hệ gia đình, điều kiện kinh tế và nơi cư trú. Những phát hiện này cung cấp cơ sở khoa học quan trọng cho các chính sách và chương trình giáo dục hướng tới nâng cao đời sống tinh thần và hạnh phúc học đường cho học sinh Việt Nam.

2.2. Số liệu, biến số và kỹ thuật phân tích

2.2.1. Số liệu

Số liệu phân tích trong nghiên cứu được sử dụng từ cuộc khảo sát trong khuôn khổ nhiệm vụ cấp cơ sở: “Hạnh phúc của học sinh trung học phổ thông ở địa bàn Hà Nội” do Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới chủ trì năm 2025. Nhiệm vụ đã tiến hành khảo sát 255 học sinh tại hai trường trung học phổ thông ở khu vực thành thị và nông thôn ở Hà Nội.

2.2.2. Biến số

Biến số phụ thuộc của nghiên cứu là cảm nhận hạnh phúc của chủ quan của học sinh trung học phổ thông trong mẫu khảo sát. Đây là biến số tổng hợp từ 7 mệnh đề theo thang đo Likert 5 bậc thể hiện mức độ hài lòng có giá trị từ 1 (không hài lòng) đến 5 (hoàn toàn hài lòng) với các khía cạnh trong cuộc sống của học sinh ở các trường trung học phổ thông được khảo sát. Thang đo về hạnh phúc của học sinh được thực hiện với 7 mệnh đề như sau: 1) Sự tự tin về bản thân; 2) Hài lòng với bản thân; 3) Lạc quan về tương lai; 4) Cảm thấy vui vẻ và tinh thần tốt; 5) Cảm thấy mình là người có giá trị; 6) Có cảm xúc tích cực; 7) Có cuộc sống vui tươi, tốt đẹp. Kết quả phân tích cho thấy độ tin cậy của toàn bộ 7 mệnh đề theo hệ số Cronbach’s Alpha (α) là 0,86.

Các biến số độc lập (biến số dự báo) được phân tích trong nghiên cứu là các yếu tố đặc trưng nhân khẩu học xã hội cá nhân và đặc điểm gia đình của học sinh trung học phổ thông. Tùy theo tính chất, các biến số độc lập có thể là biến nhị phân, thứ bậc, thang đo Likert 5 bậc. Các biến số đặc trưng cá nhân bao gồm giới tính với giá trị đưa vào phân tích là nhóm nữ. Tuổi của học sinh là biến số thứ bậc với sự phân phối từ 15 đến 17 tuổi. Hài lòng với tình trạng sức khỏe và kết quả học tập là hai biến số được đo bằng thang đo Likert có giá trị 1 thấp nhất (hài lòng thấp nhất) đến giá trị 5 cao nhất (rất hài lòng nhất). Hai biến số trầm cảm và lo lắng về sự tự tin cũng là thang đo Likert nhưng mang tính chất theo chiều hướng ngược, với giá trị 1 là mức độ trầm cảm và lo lắng thấp nhất và giá trị 5 là mức độ trầm cảm và lo lắng cao nhất. Biến số trầm cảm được thu thập và tính toán theo thang đo DASS-21 (Trần Quý Long, 2024b).

Các biến số phản ánh đặc điểm gia đình được đưa vào phân tích bao gồm: Sự hài lòng về điều kiện sống của gia đình, mối quan hệ bố mẹ - con. Những biến số này được đo lường bằng thang đo Likert 5 bậc với giá trị 1 là thấp nhất và giá trị 5 là cao nhất. Mối quan hệ bố mẹ - con là biến số tổng hợp từ 7 chỉ báo thành phần đo lường về các khía cạnh mối quan hệ giữa bố mẹ và học. Biến số nơi cư trú với giá trị nông thôn được đưa vào phân tích và giá trị thành thị là nhóm tham khảo.

2.3. Cảm nhận hạnh phúc của học sinh trung học phổ thông và các yếu tố ảnh hưởng

Theo kết quả phân tích, cảm nhận hạnh phúc chung của học sinh trung học phổ thông ở Hà Nội trong mẫu khảo sát có các chỉ số sau: điểm trung bình (M) = 3,06; độ lệch chuẩn (SD) = 0,84. Trên cơ sở đó, có thể khẳng định phân bố kết quả cảm nhận hạnh phúc chung của mẫu nghiên cứu là phân bố tiệm cận phân phối chuẩn. Từ đó có

thể thấy, cảm nhận hạnh phúc chung của học sinh trung học phổ thông trong nghiên cứu này ở mức trung bình (M nằm trong khoảng thống kê quy định 2,6-3,3).

Bảng 1 trình bày kết quả ước lượng mô hình hồi quy đa biến bằng kỹ thuật OLS nhằm tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hạnh phúc với cuộc sống của học sinh trung học phổ thông trong mẫu khảo sát ở Hà Nội. Kết quả phân tích cho thấy, mức ý nghĩa thống kê ($P > |t|$) của kiểm định t ở các biến số độc lập trong mô hình phân tích hồi quy đều nhỏ hơn 0,05 cho thấy các biến số độc lập đều có ý nghĩa giải thích cho biến phụ thuộc mức độ hạnh phúc với cuộc sống của học sinh và không có biến số nào bị loại. Hệ số phóng đại phương sai VIF của các biến số độc lập đều nhỏ hơn 2 do vậy có thể khẳng định không có hiện tượng đa cộng tuyến xảy ra, tức là không có sự phụ thuộc tuyến tính giữa các biến độc lập trong mô hình.

Bảng 1. Mô hình hồi quy đa biến về tác động của các yếu tố đến mức độ hạnh phúc của học sinh trung học phổ thông (Kỹ thuật OLS)

Các yếu tố	Coef.	Std. Err.	t	P> t	[95% Conf. Interval]	
Giới tính (nữ)	-0,20	0,08	-2,45	0,015	-0,36	-0,04
Tuổi	0,16	0,05	3,25	0,001	0,06	0,26
Tình trạng sức khỏe	0,13	0,04	3,40	0,001	0,06	0,21
Trầm cảm	-0,13	0,04	-3,44	0,001	-0,20	-0,05
Lo lắng về sự tự tin	-0,07	0,03	-2,32	0,021	-0,13	-0,01
Hài lòng kết quả học tập	0,13	0,04	3,20	0,002	0,05	0,21
Hài lòng về điều kiện sống	0,11	0,04	2,82	0,005	0,03	0,18
MQH hệ bố mẹ - con	0,23	0,04	5,50	0,000	0,15	0,32
Nơi cư trú (nông thôn)	-0,16	0,08	-2,02	0,045	-0,32	0,00
Hằng số	-0,10	0,59	-0,18	0,860	-1,27	1,06

Kết quả phân tích hồi quy đa biến cho thấy giới tính là yếu tố đặc trưng cá nhân đầu tiên ảnh hưởng đáng kể đến mức độ hạnh phúc của học sinh trung học phổ thông. Học sinh nữ có mức độ hạnh phúc thấp hơn học sinh nam 0,20 đơn vị và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê. Điều này có thể lý giải bởi học sinh nữ thường chịu áp lực học tập, ngoại hình, kỳ vọng xã hội và quan hệ xã hội nhiều hơn. Đặc điểm tâm lý dễ xúc động, xu hướng nội tâm hóa vấn đề cùng chuẩn mực giới truyền thống khiến các em dễ bị căng thẳng và giảm cảm nhận hạnh phúc. Những kỳ vọng kén như “vừa học giỏi, vừa ngoan ngoãn, dịu dàng” hoặc gánh nặng việc nhà cũng góp phần làm giảm mức độ hài lòng với cuộc sống của học sinh nữ.

Tuổi tác có mối quan hệ đồng biến với hạnh phúc: khi tuổi tăng, điểm trung bình về mức độ hài lòng cuộc sống của học sinh cũng tăng. Học sinh lớn tuổi hơn có sự trưởng thành về nhận thức, kỹ năng thích ứng, khả năng kiểm soát cảm xúc và tư duy độc lập tốt hơn, giúp họ đối phó hiệu quả với áp lực học tập, các mối quan hệ và định hướng tương lai. Quá trình tích lũy kinh nghiệm sống giúp các em hiểu bản thân, trân trọng giá trị tích cực xung quanh, từ đó cảm thấy cuộc sống ý nghĩa và hạnh phúc hơn.

Sức khỏe thể chất có tác động mạnh đến hạnh phúc. Học sinh có tình trạng sức khỏe tốt thường có cảm xúc tích cực, năng lượng học tập cao, ít lo lắng, từ đó cảm nhận cuộc sống hạnh phúc hơn.

Ngược lại, học sinh có điểm trung bình về trầm cảm cao hơn lại có mức độ hạnh phúc thấp hơn, phản ánh mối quan hệ tiêu cực giữa sức khỏe tâm thần và hạnh phúc. Trầm cảm, lo âu và thiếu tự tin là những “kẻ thù thầm lặng” làm giảm chất lượng sống của học sinh. Do vậy, việc chăm sóc sức khỏe tâm thần cần được xem là ưu tiên trong giáo dục để nâng cao hạnh phúc học đường.

Mức độ hài lòng với kết quả học tập có ảnh hưởng tích cực và có ý nghĩa thống kê đến hạnh phúc của học sinh (Coef. = 0,13). Khi học sinh hài lòng với thành tích học tập của mình, các em cảm thấy có giá trị, được công nhận, và thấy nỗ lực được đền đáp, tạo ra cảm xúc tích cực, tự tin và động lực nội tại. Hạnh phúc không chỉ đến từ điểm số cao mà còn từ cảm giác tiến bộ, tự hào về bản thân. Điều này gợi mở định hướng giáo dục cần chú trọng giúp học sinh nhận ra sự tiến bộ cá nhân thay vì chỉ so sánh với người khác.

Điều kiện sống cũng là nền tảng quan trọng của hạnh phúc. Học sinh trong gia đình có mức sống cao hơn thường cảm thấy an toàn, ít lo toan tài chính và có điều kiện học tập, vui chơi, chăm sóc sức khỏe tốt hơn. Mức sống khá giả giúp cha mẹ có nhiều thời gian quan tâm, trò chuyện với con cái, đồng thời tạo cơ hội để các em tham gia các hoạt động ngoại khóa, mở rộng trải nghiệm và tăng cảm xúc tích cực. Ngược lại, học sinh từ gia đình khó khăn thường chịu áp lực kinh tế, thiếu điều kiện học tập, phải phụ giúp gia đình hoặc cảm thấy tự ti, làm giảm sự hài lòng với cuộc sống. Kết quả này cũng gợi ra vấn đề bất bình đẳng xã hội là yếu tố tiềm ẩn ảnh hưởng đến hạnh phúc học đường.

Mối quan hệ giữa học sinh và cha mẹ có ảnh hưởng lớn nhất trong mô hình phân tích (Coef. = 0,23). Học sinh có quan hệ tốt với cha mẹ cảm thấy được yêu thương, tôn trọng và chia sẻ, từ đó có mức độ hạnh phúc cao hơn. Ngược lại, căng thẳng, xung đột hoặc thiếu quan tâm trong gia đình khiến học sinh dễ rơi vào trạng thái cô đơn, bất an. Quan hệ gắn bó, tin tưởng giữa bố mẹ và con cái là nền tảng tinh thần giúp học sinh ổn định cảm xúc, phát triển nhân cách và hướng đến cuộc sống tích cực.

Cuối cùng, nơi cư trú ảnh hưởng rõ rệt đến hạnh phúc của học sinh. Học sinh ở khu vực nông thôn có mức độ hạnh phúc thấp hơn học sinh ở thành

thị (Coef. = -0,16). Nguyên nhân chủ yếu do chênh lệch về điều kiện sống, cơ sở vật chất, dịch vụ giáo dục và y tế. Học sinh thành thị được hưởng lợi từ môi trường học tập tốt, nhiều cơ hội phát triển, trong khi học sinh nông thôn thường chịu thiệt thòi về nguồn lực, điều kiện kinh tế, thậm chí phải gánh vác việc gia đình hoặc thiếu sự chăm sóc từ cha mẹ đi làm xa. Những yếu tố này tác động tiêu cực đến cảm nhận hạnh phúc của các em.

Tổng hợp lại, mức độ hạnh phúc của học sinh trung học phổ thông chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố cá nhân và xã hội, bao gồm giới tính, tuổi, sức khỏe thể chất – tinh thần, hài lòng học tập, điều kiện sống, quan hệ gia đình và nơi cư trú. Trong đó, quan hệ với cha mẹ và sức khỏe là những yếu tố có tác động mạnh nhất. Các kết quả này gợi mở định hướng chính sách và giáo dục toàn diện hơn, nhằm xây dựng môi trường học đường thân thiện, hỗ trợ cả thể chất lẫn tinh thần, giúp học sinh phát triển hạnh phúc và bền vững.

III. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy mức độ hạnh phúc của học sinh trung học phổ thông tại Hà Nội chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố cá nhân, gia đình và xã hội, phản ánh toàn diện đời sống tinh thần của lứa tuổi vị thành niên. Học sinh nữ, có mức độ trầm cảm cao, thiếu tự tin và sống ở khu vực nông thôn là nhóm có mức độ hạnh phúc thấp hơn, do chịu tác động từ áp lực giới, sự chênh lệch điều kiện sống và thiếu hỗ trợ tâm lý. Trầm cảm và sự thiếu tự tin là hai yếu tố nổi bật thể hiện tổn thương nội tâm, nếu không được can thiệp sớm có thể ảnh hưởng đến sự phát triển toàn diện.

Ngược lại, học sinh lớn tuổi hơn, có sức khỏe tốt, hài lòng với kết quả học tập, điều kiện kinh tế gia đình và có mối quan hệ gắn bó với cha mẹ thường hạnh phúc hơn. Đây là những yếu tố thể hiện sự ổn định cảm xúc, hỗ trợ xã hội tích cực và đời sống tinh thần phong phú.

Từ đó, nghiên cứu khuyến nghị cần xây dựng môi trường học tập và sinh hoạt công bằng, nhân văn, chú trọng sức khỏe tâm thần, điều kiện sống và kết nối cảm xúc của học sinh, đặc biệt quan tâm đến nhóm dễ tổn thương như nữ sinh và học sinh nông thôn để đảm bảo cơ hội hạnh phúc bền vững cho mọi em.

Bài viết là một phần kết quả nghiên cứu của Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở “Hạnh phúc của học sinh trung học phổ thông ở địa bàn Hà Nội” do Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới chủ trì, TS. Trần Quý Long chủ nhiệm, thực hiện năm 2025.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đào Lan Hương (2020). Cảm nhận hạnh phúc của thanh thiếu niên trong mối quan hệ với gia đình. Luận án Tiến sĩ Tâm lý học. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- Đào Lan Hương (2022). Ảnh hưởng của chất lượng cuộc sống vật chất tới hạnh phúc tinh thần của thanh thiếu niên. Tạp chí Tâm lý học, số 4(277), tr. 74-83.
- Gross-Manos, D., Bradshaw, J. (2022). The association between the material well-being and the subjective well-being of children in 35 countries. *Child Indicators Research*, vol. 15, pp. 1-33.
- Khan, Y., Taghdisi, M.H., & Nourijelyani, K. (2015). Psychological well-being (PWB) of school adolescents aged 12-18 yr, its correlation with general levels of physical activity (PA) and socio-demographic factors in Gilgit, Pakistan. *Iran J Public Health*, vol. 44, pp. 804-813.
- Lee, B. J., & Yoo, M. S. (2015). Family, school, and community correlates of children's subjective well-being: An International comparative study. *Child Indicators Research*, vol. 8, pp. 151-175.
- Ngô Thị Hoàng Giang (2020a). Nghiên cứu yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em. Tạp chí Tâm lý học Việt Nam, số 9, tr. 75-82.
- Ngô Thị Hoàng Giang (2020b). Nghiên cứu sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em từ 8 đến 12 tuổi. Tạp chí Tâm lý học Việt Nam, số 10, tr. 27-36.
- Ngoc P. Nguyen (2011). What makes a child happy? The link between family income, social networks and subjective well-being in Vietnam. Working paper No. 74. Young Lives, Oxford Department of International Development (ODID), University of Oxford.
- OECD (2017). PISA 2015 Results (Volume III): Students' well-being. OECD Publishing, Paris.
- Phan Thị Mai Hương, Nguyễn Hữu Minh (2017). Những yếu tố trường học đặc trưng của nhóm trẻ hạnh phúc và không hạnh phúc. Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới, số 6, tr. 81-92.
- The Children's society (2016). The good childhood report 2016. The Children's Society, London.
- Tổng cục Thống kê và UNICEF (2021). Điều tra các mục tiêu phát triển bền vững về trẻ em và phụ nữ Việt Nam 2020-2021. Báo cáo kết quả điều tra. Tổng cục Thống kê, Hà Nội.
- Trần Quý Long (2024a). Mức độ hài lòng của trẻ vị thành niên với cuộc sống và các yếu tố ảnh hưởng. Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 8, tr. 3-10.
- Trần Quý Long (2024b). Trầm cảm ở vị thành niên học sinh trung học và các yếu tố ảnh hưởng. Tạp chí Xã hội học Việt Nam, số 2, tr. 39-48.
- Trong Dam V.A., Do H.N., Thi Vu T.B., et al. (2023). Associations between parent-child relationship, self-esteem, and resilience with life satisfaction and mental wellbeing of adolescents. *Front. Public Health*, vol. 11, pp. 1012337.
- Trương Thị Khánh Hà (2015). Cảm nhận hạnh phúc chủ quan của người trưởng thành. Tạp chí Tâm lý học, số 11, tr. 34-48.
- Trương Thị Khánh Hà, Nguyễn Văn Lược, Trần Hà Thu (2017). Sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em: Một số khía cạnh liên quan đến gia đình và trường học. Kỷ yếu hội thảo quốc tế tâm lý học khu vực Đông Nam Á lần thứ nhất: Hạnh phúc con người và phát triển bền vững. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr. 65-73.